

Số: 195/2023/QĐST- HNGĐ

T, ngày 10 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 176/2023/TLST- HNGĐ ngày 04/7/2023 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1981

Địa chỉ: Số nhà 03/253, đường L, thị trấn T, huyện T, tỉnh T

- Bị đơn: Chị Lê Thị D, sinh năm 1987

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh T.

Căn cứ vào khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02/8/2023.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị D.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Lê Thị D đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/9/2011 và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 25/11/2014.

Hai anh chị thống nhất thỏa thuận:

Chị Lê Thị D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 25/9/2011 và cháu Nguyễn Kim N, sinh ngày 25/11/2014. Anh Nguyễn Văn K cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (*một triệu đồng*), cả hai cháu là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu T và cháu N thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Anh Nguyễn Văn K có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung: Tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Hai bên thống nhất thỏa thuận: Anh Nguyễn Văn K chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn là 150.000đ và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con chung là 150.000đ, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2021/0016239 ngày 04/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Anh Nguyễn Văn K đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Phòng GDKTNV TAND tỉnh T
- UBND xã X , huyện T,
tỉnh T
- Thi hành án
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hằng